

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-10-2021  
V/v Tranh chấp hôn nhân gia  
đình về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuyển.

2. Bà Trần Thị Thúy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 13, ấp TL, xã TT, thị xã Hòa T1, tỉnh B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp BR, xã TĐ, huyện A, tỉnh B; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh L có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới. Ngày 21-9-2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

TĐ, huyện A, tỉnh B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L ham mê cờ bạc gây nợ nần, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10-2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung là: Võ Minh N1, sinh ngày 01-01-2013; Võ Ngọc N2, sinh ngày 25-10-2018. Hiện tại, cháu N1, cháu N2 đang sống chung với chị. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1, cháu N2, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày.*

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L. Giao cháu N1, cháu N2 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L, địa chỉ: ấp BR, xã TĐ, huyện A, tỉnh B. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N, anh L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện A, tỉnh B. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, thấy rằng: Quá trình chung sống, giữa chị N, anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần, vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 10-2020 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, chị N được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là: Võ Minh N1, sinh ngày 01-01-2013; Võ Ngọc N2, sinh ngày 25-10-2018. Xét thấy, cháu N1, cháu N2 sống chung với chị N từ nhỏ đến lớn, cháu N1 có nguyện vọng sống chung với chị N. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển của hai cháu, thì cần giao cháu N1, cháu N2 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Võ Văn L. Chị N được ly hôn với anh L.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung là: Võ Minh N1, sinh ngày 01-01-2013; Võ Ngọc N2, sinh ngày 25-10-2018. Giao cháu N1, cháu N2 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N1, cháu N2 thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013036 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận chị N đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh B trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TĐ, h. A, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Nguyễn**







